

Số: /BC-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 6273/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 UBND huyện Tuy Phước về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Phước, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Phước Nghĩa tại Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 24/11/2022 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phước Nghĩa, UBND huyện Tuy Phước báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Phước Nghĩa, cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày 15/12/2022 đến 06/01/2023)

## **1. Về hồ sơ**

Hồ sơ của xã Phước Nghĩa bao gồm:

- Tờ trình của UBND xã về việc việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Phước Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022;
- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã;
- Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;
- Hình ảnh về kết quả xây dựng nông thôn mới.

## **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Thực hiện Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định; Quyết định số 6273/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 của UBND huyện Tuy Phước; UBND xã Phước Nghĩa đã xây dựng Kế hoạch thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí về nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã trong năm 2022 và đã được sự đồng tình hưởng ứng cao của nhân dân, tạo thành khí thế hưởng ứng thi đua của các thôn trên địa bàn nhằm phát động sâu rộng đến các ngành, các cấp, toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hưởng ứng tham gia xây dựng nông thôn mới.

**3. Xã Phước Nghĩa:** đã được UBND tỉnh Bình Định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2015 tại Quyết định số Quyết định số 2716/QĐ-UBND ngày 04/8/2015.

## **4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí về xã nông thôn mới trong năm 2022 đối với xã Phước Nghĩa**

Căn cứ kết quả rà soát, thẩm tra của các ngành của huyện: trong năm 2022 xã Phước Nghĩa đã đạt 19/19 tiêu chí về xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định được UBND tỉnh Bình Định ban hành tại Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 .

*(Cụ thể kết quả đánh giá 19 tiêu chí về xã nông thôn mới có phụ lục kèm theo)*

## **5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2022 đối với xã Phước Nghĩa**

### **5.1. Tiêu chí 1 - Quy hoạch:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn và thường xuyên rà soát điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch;

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn và thường xuyên rà soát điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch (tại Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 và các Quyết định số 6519/QĐ-UBND ngày 23/9/2020, 1660/QĐ-UBND ngày 04/5/2022).

- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã (tại Quyết định số 1823/QĐ-CTUBND ngày 17/9/2010) và các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

***c. Đánh giá Tiêu chí 1 - Quy hoạch: Đạt theo yêu cầu.***

**5.2. Tiêu chí 2 - Giao thông:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện (chỉ tiêu 100%);

- Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện (chỉ tiêu 100%);

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện (chỉ tiêu 100%, trong đó, 70% được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa);

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện (chỉ tiêu  $\geq 70\%$  được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa).

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Đường xã: 100% (6,95 km/6,95 km) đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh, ..) và đường đạt tối thiểu đường cấp VI theo TCVN 4054:2005 (trong đó, mặt đường được bê tông hóa 6,95 km).

- Đường thôn và đường liên thôn: 100% (2,476 km/2,476 km) được cứng hóa và bảo trì hàng năm; 100% (2,476 km/2,476 km) có các mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh, ..) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Đường ngõ, xóm: 100% (24,811 km/24,811 km) được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Đường trục chính nội đồng: 100% (3,107 km/3,107 km) được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa (trong đó, mặt đường được cứng hóa bằng bê tông xi măng 3,107 km) và đạt đường loại B hoặc loại C.

**c. Đánh giá Tiêu chí 2 - Giao thông: Đạt theo yêu cầu.**

### 5.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:

#### a. Yêu cầu của tiêu chí:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 5\%$
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá

#### b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Phước Nghĩa là: 270,47 ha, trong đó: diện tích được tưới và tiêu nước chủ động là 270,47 ha, đạt 100% (Đạt).

*Bảng xác định diện tích đất sản xuất NN của xã được tưới, tiêu chủ động:*

TT	Cây trồng	Diện tích gieo trồng cần được bảo đảm tưới theo kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng thực tế được tưới, tiêu chủ động (ha)
<b>1</b>	<b>Cây hàng năm</b>		
	Lúa đông xuân	270,47	270,47
	Lúa hè thu	270,47	270,47
	<b>Tổng cộng</b>	<b>270,47</b>	<b>270,47</b>
	$T_{\text{tưới}} (\%)$	$(S1/S)*100$	

\* **Đánh giá: Chỉ tiêu 3.1: (Đạt)**

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững:

a) Xã Phước Nghĩa có 01 HTX Nông nghiệp Phước Nghĩa đã thành lập Tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo về pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi, như:

- HTX được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã (có giấy đăng ký thành lập HTX); tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác (có hợp đồng hợp tác và gửi thông báo tới UBND cấp xã nơi thành lập).

- HTX Nông nghiệp Phước Nghĩa có điều lệ hoặc quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thông qua và UBND cấp xã xác nhận.

- Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở.

- Tổ chức bộ máy, người vận hành của tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định.

b) Có số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt **92 điểm**, thông qua các chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu 1: Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước: (30 điểm)
- Chỉ tiêu 2: Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi: (25 điểm)
- Chỉ tiêu 3: Quản lý tài chính: (20 điểm)
- Chỉ tiêu 4: Thực hiện đa dịch vụ: (7 điểm)
- Chỉ tiêu 5: Mức độ hài lòng của thành viên: (10 điểm)

*Bảng điểm số các chỉ tiêu đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững của tổ chức thủy lợi cơ sở (TLCS): của HTX NN Phước Nghĩa, như sau:*

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Xác định điểm số
1	Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước	30	30
1.1	Lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước	10	a) Đối với tổ chức TLCS quản lý công trình thủy lợi nội đồng trong công trình thủy lợi do các tổ chức khai thác thủy lợi cấp huyện, cấp tỉnh quản lý: - Có lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước theo mùa, vụ hoặc theo năm; ký Hợp đồng với tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; thông báo lịch cấp, tưới, tiêu và thoát nước cho người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi: 5 điểm. b) Đối với tổ chức TLCS quản lý công trình thủy lợi nhỏ độc lập: - Có lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước, thông báo lịch cấp, tưới, tiêu, thoát nước cho người sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi: 5 điểm.
1.2	Tỉ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được	20	$T \geq 90\%$ : 20 điểm.

	tưới, tiêu chủ động (T)		
2	Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	30	25
2.1	Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	5	- Có lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình hàng năm: 5 điểm.
2.2	Thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	20	- Xã thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi trên địa bàn: Đạt từ 70% theo kế hoạch: 15 điểm.
2.3	Lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình	5	- Có lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình; không để xảy ra vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: 5 điểm.
3	Quản lý tài chính	20	20
3.1	Lập kế hoạch tài chính	5	- Có lập kế hoạch tài chính, trong đó có kế hoạch thu-chi hàng năm cho dịch vụ thủy lợi thông qua hội nghị thường niên: 5 điểm.
3.2	Thực hiện kế hoạch tài chính đối với dịch vụ thủy lợi	10	Khả năng chủ động tài chính (TC) đối với dịch vụ thủy lợi được xác định như sau: - Nguồn thu của tổ chức TLCS bao gồm: kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của nhà nước. - Chi phí theo kế hoạch bao gồm chi trả tiền sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định, chi các hoạt động quản lý, vận hành, bảo dưỡng, xây dựng, sửa chữa công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng. TC $\geq$ 1: 10 điểm.
3.3	Thực hiện quyết toán, công khai tài chính theo quy định	5	- Có thực hiện: 5 điểm.
4	Thực hiện đa dịch vụ	10	7
4.1	Phát triển các sản phẩm dịch vụ khác	7	- Có thực hiện các sản phẩm dịch vụ khác như: Cấp nước nông thôn, điện... hoặc tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ: 7 điểm.
4.2	Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng, quản lý công trình thủy lợi	3	- Có ứng dụng một trong các công nghệ trong xây dựng; biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước; sử dụng một số thiết bị thông minh để theo dõi, giám sát hoặc điều khiển vận hành công trình thủy lợi...: 0 điểm.
5	Mức độ hài lòng của thành viên	10	Có (Phiếu đánh giá mức độ hài lòng của thành viên: 10 điểm.
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b>92</b>

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.2: (Đạt)**

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước  $\geq$  5%:

UBND xã Phước Nghĩa: Cây trồng chủ lực là cây lúa, tổng diện tích lúa là 270,47 ha, trong đó: xã có 75,49ha tưới từ nguồn nước thuộc công trình trạm bơm

điện, với hình thức tưới tiết kiệm nước (nông- phơi xen kẽ) 75,49ha/270,47 ha đạt tỷ lệ: 27,9%  $\geq$  5% theo yêu cầu.

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.3: (Đạt)**

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (Đạt):

Xã Phước Nghĩa: Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm: Tổng số kênh mương đã được kiên cố hóa là 14,5/15,0km đạt 96,7%. Hiện nay đang triển khai thi công KCHKM thêm 0,6km. Hàng năm các công trình thủy lợi đều được bảo trì hàng năm trên địa bàn xã đáp ứng nhu cầu tưới tiêu trên địa bàn xã.

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.4: (Đạt)**

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi (Đạt).

Xã Phước Nghĩa: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Các công trình thủy lợi trên địa bàn xã do HTX NN Phước Nghĩa quản lý. HTX NN đã thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn xã theo chỉ đạo của UBND xã nên không có trường hợp vi phạm xả thải vào công trình thủy lợi.

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.5: (Đạt)**

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt).

**\* Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:**

- **Về tổ chức bộ máy:** Hàng năm: Xã có thành lập Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn & Phòng thủ dân sự cấp xã và đã được kiện toàn thường xuyên, liên tục theo quy định, cụ thể trong năm 2022 đã được kiện toàn tại Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 05/7/2022; đồng thời phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trong đó có công chức cấp xã được phân công theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của Ban chỉ huy PCTT-TKCN & PTDS cấp xã.

**- Về nguồn nhân lực:**

+ Hàng năm xã đều cử 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ.

+ Hàng năm xã đã thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định tại Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 15/9/2022.

+ Hàng năm xã đã cử Đội xung kích tham dự tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ do Ban Chỉ huy Quân sự huyện tổ chức.

+ Hàng năm xã thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền cho người dân trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.

**\* Về hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh:**

- **Về Kế hoạch phòng, chống thiên tai:** Trong năm 2021 UBND xã đã ký ban hành Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 về việc Ban hành Kế hoạch Phòng, chống giảm nhẹ thiên tai giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã và được rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định; đồng thời xã đã rà soát, xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai.

- **Về Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai:** UBND xã ban hành Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về việc Ban hành Phương án Phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2022, trong đó: Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.

- **Về thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt:**

+ Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.

+ Trên địa bàn xã có 100% số tổ chức trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.

+ Trên địa bàn xã có 80% trở lên số hộ gia đình trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.

**\* Về cơ sở hạ tầng thiết yếu:**

- Về Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng:

+ Xã đã triển khai thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; điểm dân cư mới hoặc chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên và các quy hoạch phòng chống lũ, đê điều.

+ Trên địa bàn xã 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.

- Về Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai:

+ Trên địa bàn xã có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số hộ gia đình được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.

+ Trên địa bàn xã 100% số điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.

- Về thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai: trên địa bàn xã không có xảy ra các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng,



chống thiên tai.

(Cụ thể có biểu đánh giá, chấm điểm chi tiết gửi kèm theo).

Biểu đánh giá, chấm điểm (về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ): của Xã Phước Nghĩa.

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Yêu cầu	Thang tính điểm	
				Có	Điểm đánh giá
<b>Tổng điểm</b>				<b>100</b>	<b>100</b>
I	Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực			35	35
1	Tổ chức bộ máy	a) Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã được thành lập (có Quyết định).	Có	3	3
		b) Được kiện toàn thường xuyên, liên tục theo quy định (có Quyết định)		2	2
		c) Có công chức cấp xã được phân công theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã (có Quyết định).	Có	2	2
		d) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương (có Quyết định phân công).		3	3
2	Nguồn nhân lực	a) Có 100% số cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ (có văn bản cử cán bộ tham gia).		7	7
		b) Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định (có Quyết định).	Có	4	4
		c) Đội xung kích được tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm (có văn bản cử cán bộ tham gia).		7	4
		d) Có từ 70% trở lên số người dân trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.		7	7
II	Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh			40	40
1	Kế hoạch phòng, chống thiên tai	a) Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt.(có Kế hoạch)	Có	5	5
		b) Được rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định.		3	3
		c) Có xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai.	Có	5	5
2	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro	Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.	Có	6	6

	thiên tai				
3	Thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt	a) Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.		7	7
		b) Có 100% số tổ chức trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.		7	7
		c) Có 70% trở lên số hộ gia đình trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.		7	7
III	Về cơ sở hạ tầng thiết yếu		25	25	
1	Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng	a) Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; diêm dân cư mới hoặc chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên và các quy hoạch phòng chống lũ, đê điều (nếu có)		3	3
		b) 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.		3	3
2	Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai	a) Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số hộ gia đình được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.		7	7
		b) 100% số điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.	Có	7	7
3	Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai	Tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai được kiểm tra, phát hiện và xử lý; không để phát sinh những vụ vi phạm mới hoặc phải kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời.		5	5

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.6: (Đạt)**

**c. Đánh giá Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai: Đạt theo yêu cầu.**

#### **5.4. Tiêu chí 4 - Điện:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Hệ thống điện đạt chuẩn;
- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (chỉ tiêu 100%).

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Có hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.
- Trên địa bàn xã tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 100%.

***c. Đánh giá Tiêu chí 4 - Điện: Đạt theo yêu cầu.***

**5.5. Tiêu chí 5 - Giáo dục:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: (chỉ tiêu 100%).

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: (chỉ tiêu Đạt).

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: (chỉ tiêu đạt mức độ 3).

- Đạt chuẩn xóa mù chữ (chỉ tiêu đạt mức độ 2).

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: (chỉ tiêu Khá).

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: (chỉ tiêu Đạt).

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: Địa bàn xã Phước Nghĩa có 02 đơn vị trường là Trường Mầm non Phước Nghĩa và Trường Tiểu học Phước Nghĩa, trong đó Trường Mầm non Phước Nghĩa đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 và Trường Tiểu học Phước Nghĩa đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2. **Đánh giá Đạt tỷ lệ 100%.**

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: **Đạt chuẩn** (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước).

- Công tác duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Đạt **Mức độ 3** (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước).

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: Đạt **Mức độ 2** (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước).

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Hiện nay đoàn kiểm tra của huyện đang kiểm tra, kết quả sơ bộ đạt loại **Khá**, đang trình UBND huyện ra quyết định.

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Trường TH Phước Nghĩa có mô hình "Câu lạc bộ võ cổ truyền" và các hoạt động rèn luyện thể chất lồng ghép trong các tiết dạy của nhà trường; UBND xã Phước Nghĩa đầu tư xây dựng Nhà đa năng để đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học thể dục, tăng cường thể lực, kỹ năng, sức bền cho học sinh.

**c. Đánh giá Tiêu chí 5 - Giáo dục: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.6. Tiêu chí 6 - Văn hóa:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: chỉ tiêu Đạt.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định: chỉ tiêu Đạt.

- Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: chỉ tiêu Đạt.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Hiện nay tại 3/3 NVH thôn trên toàn xã đã có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời công viên, các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

- Trên địa bàn xã Phước Nghĩa có 01 di sản văn hóa cấp Quốc gia (Mộ Đào Tấn) và 01 di sản văn hóa cấp tỉnh (Mộ Phó tướng Lê Tuyên). Mộ Đào Tấn do tỉnh quản lý, hiện nay đường lên xuống đã xuống cấp và không có bãi đậu xe, UBND xã đã có kiến nghị UBND tỉnh đang xem xét tôn tạo. Mộ Phó tướng Lê Tuyên được UBND xã xây dựng tường rào, cổng ngõ và gia đình Đoàn Thanh niên có kế hoạch quét dọn, thăm viếng vào các ngày lễ kỷ niệm và ngày giỗ của cụ; đang đề nghị các cấp tôn tạo lại phần mộ và bê tông sân nền, trồng cây xanh quanh khuôn viên mộ.

- 3/3 thôn hàng năm đều đạt thôn văn hóa, tổng kinh phí thực hiện: 1.212 triệu đồng.

**c. Đánh giá Tiêu chí 6 - Văn hóa: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.7. Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:** Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: chỉ tiêu Đạt.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Chợ Phước Nghĩa nằm trong Quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 09/2005/QĐ-UBND ngày 10/01/2005

**c. Đánh giá: Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.8. Tiêu chí 8 – Thông tin và truyền thông:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: chỉ tiêu Đạt.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: chỉ tiêu Đạt  $\geq 80\%$ .

- Có dịch vụ báo chí truyền thông: chỉ tiêu Đạt.

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới: chỉ tiêu Đạt.

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...): chỉ tiêu Đạt.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Điểm phục vụ bưu chính tại xã là điểm Bưu điện văn hóa xã, nằm trong khuôn viên UBND xã do bưu điện huyện Tuy Phước quản lý, hiện nay nhà làm việc đã xuống cấp, cơ sở vật chất chưa đáp ứng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân tại địa phương. Việc phối hợp thực hiện dịch vụ BCCI còn hạn chế.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh  $> 85\%$ .

- 100% thôn của xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên, 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet, điểm cung cấp xuất bản phẩm của địa phương được bố trí tại Bưu điện xã đáp ứng nhu cầu phục vụ của người dân.

- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến 221 hồ sơ; Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (bằng cả hình thức trực tuyến và trực tiếp) của các TTHC được cung cấp DVCTT một phần và trực tuyến toàn phần 1.066 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến một phần và giải quyết trực tuyến toàn trình đạt 20,73%. 100% cán bộ, công chức của xã được cấp trên tập huấn kiến thức dịch vụ công trực tuyến, sử dụng hệ thống điện tử (idesk). Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 70%. 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử. 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn thẻ địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.

- UBND xã đã lắp đặt mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng, cụ thể như: Nhà văn hóa xã, UBND xã, Nhà văn hóa 3/3 thôn và đã bố trí bộ máy vi tính, máy

in tại 3/3 NVH thôn. Tổng kinh phí thực hiện: 1.400 triệu đồng.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 8 – Thông tin và truyền thông: Đạt theo yêu cầu.**

**5.9. Tiêu chí 9 – Nhà ở dân cư:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:** Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố  $\geq 85\%$ .

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:** Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố trên địa bàn xã đạt 99,65%, có 1.436 nhà/1.441 nhà.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 9 – Nhà ở dân cư: Đạt theo yêu cầu.**

**5.10. Tiêu chí 10 – Thu nhập:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:** Thu nhập bình quân đầu người năm 2022:  $\geq 52$  (triệu đồng/người)

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Năm 2022**

Tổng thu nhập của xã đạt: 270.466,60 triệu đồng.

Số nhân khẩu thực tế thường trú của xã: 5.144 người.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2022: 52,58 triệu đồng/người/năm.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 10 – Thu nhập: Đạt theo yêu cầu.**

**5.11. Tiêu chí 11 – Nghèo đa chiều:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo công bố của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội. ( $< 3\%$ ).

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về tiêu chí “Nghèo đa chiều” là xã có tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm dưới mức chỉ tiêu theo vùng, cụ thể là dưới 3%.

Qua kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 (đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 8574/QĐ-UBND ngày 09/12/2022), kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo của xã Phước Nghĩa 1,3%.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 11 – Nghèo đa chiều: Đạt theo yêu cầu.**

**5.12. Tiêu chí 12 – Lao động:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 80\%$ .

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 30\%$ .

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề kinh tế chủ lực trên địa bàn  $\geq 19\%$ .

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Qua kết quả điều tra, khảo sát số lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của xã Phước Quang:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) 82,5%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) 32,9 %.
- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề kinh tế chủ lực trên địa bàn 20,65%.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 12 – Lao động: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.13. Tiêu chí 13 – Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định  $\geq 1$ .
- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn  $\geq 1$ .
- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm  $\geq 1$ .
- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Khuyến khích.
- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử  $\geq 10\%$ .
- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Khuyến khích.
- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: chỉ tiêu Đạt.
- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): chỉ tiêu Đạt.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Xã có Hợp tác xã nông nghiệp Phước Nghĩa tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành – HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012. HTX có dịch vụ Liên kết sản xuất giống và tiêu thụ sản phẩm cho thành viên với công ty giống thành Lợi. HTX kinh doanh các dịch vụ như: Dịch vụ Thủy lợi, Liên kết sản xuất giống và tiêu thụ sản phẩm, quản lý chợ. HTX được đánh giá, xếp loại đạt loại khá (theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã).

Có quy mô thành viên đủ lớn: HTX đã thực hiện chuyển đổi hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012: Không quy định số lượng thành viên.

Có ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ cho tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của hợp tác xã trong 3 năm liền trước – HTX có dịch vụ Liên kết sản xuất giống và tiêu thụ sản phẩm với công ty giống Thành Lợi.

- Xã có sản phẩm OCOP Thịt Lươn đồng của Cơ sở nuôi Lươn giống, Lươn thịt Long Vinh – Hiện nay sản phẩm được Hội đồng đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh đánh giá xếp hạng sản phẩm đạt OCOP cấp tỉnh hạng 03 sao, đang chờ UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận.

-Xã Phước Nghĩa có Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư là Doanh nghiệp nông nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

- Ứng dụng chuyên đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Khuyến khích.

- Trên địa bàn xã có 02 sản phẩm chủ lực là Chanh muối bà Nhiêm và Lươn thịt Long Vinh. Trong đó có 01 sản phẩm Chanh muối bà Nhiêm được bán qua kênh thương mại điện tử Postmart.vn, đạt 50%.

- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Khuyến khích

- Xã có 2 khu di tích lịch sử: Cấp quốc gia: Mộ Đào Tấn, Cấp tỉnh: Mộ Phó tướng Lê Tuyên; hàng năm có nhiều đoàn học sinh, sinh viên có tổ chức du khảo về nguồn. Có triển khai quảng bá hình ảnh các khu di tích lịch sử của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): Mô hình sản xuất cánh đồng mẫu cho cây lúa với quy mô 40ha/vụ/220 hộ.

***c. Đánh giá: 13 – Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Đạt theo yêu cầu.***

#### **5.14. Tiêu chí 14 – Y tế:**

##### ***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) được đảm bảo  $\geq 95\%$ .

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 90\%$ .

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 40\%$ .

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử  $\geq 70\%$ .

##### ***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Người dân tham gia Bảo hiểm y tế trên địa bàn xã là 4.746/4.885 đạt tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 97,2%.

- Thực hiện hiệu quả công tác dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) kể cả quản lý tiêm vắc xin Covid - 19 và tiêm chủng mở rộng. Dân số được quản lý sức khỏe toàn xã là 4.885/4.885, đạt tỷ lệ 100%.

- Người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa toàn xã là 1.987/4.885, đạt tỷ lệ 40,67%.



- Người dân có số khám chữa bệnh điện tử trên địa bàn xã là 3.501/4.885 người dân toàn xã đạt: **72%**.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 14 – Y tế: Đạt theo yêu cầu.**

**5.15. Tiêu chí 15 – Hành chính công:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Chỉ tiêu đạt.

- Có dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3) trở lên: Chỉ tiêu đạt.

- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp: Chỉ tiêu đạt.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Có bố trí máy scan tại Bộ phận Một cửa để thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; 100% công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã được bố trí máy vi tính để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; 100% công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã được cấp chữ ký số cá nhân. Cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đạt tối thiểu 5%/Tổng số hồ sơ chứng thực. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ trên Hệ thống báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3) và dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4) có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt từ 50% trở lên trên tổng số thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến có phát sinh hồ sơ đạt 77,78% (14/18 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến một phần và giải quyết trực tuyến toàn trình đạt từ 50% trở lên trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến đạt 51,82% (242/467 hồ sơ). Tỷ lệ thanh toán trực tuyến các thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên trên tổng số giao dịch thanh toán đạt 80,31% (567/706 hồ sơ).

- Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính tỷ lệ 100%.

Có 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải

quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ tỷ lệ 100%.

Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 đạt tỷ lệ >90% (209).

Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những người, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo.

Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên đạt 100%.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ đạt 100%.

***c. Đánh giá: Tiêu chí 15 – Hành chính công: Đạt theo yêu cầu.***

**5.16. Tiêu chí 16 – Tiếp cận pháp luật:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Chỉ tiêu  $\geq 1$ .

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành: Chỉ tiêu  $\geq 90\%$ .

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: Chỉ tiêu  $\geq 90\%$ .

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Chỉ tiêu  $\geq 1$ .

*Về mô hình điển hình về PBGDPL hoạt động hiệu quả:* UBND xã đã xây dựng, có mô hình về PBGDPL hoạt động hiệu quả tại địa phương. Căn cứ kết quả chấm điểm xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện, Tiêu chí 3 “Phổ biến, giáo dục pháp luật” theo Quyết định số 619/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2017/TT-BTP của bộ Tư pháp đạt số điểm tối đa 25/25 điểm. UBND xã có bố trí nhân lực, kinh phí, các điều kiện khác bảo đảm cho hoạt động của mô hình lồng ghép với kinh phí chung cấp cho công tác PBGDPL cho năm 2022 hơn 10 triệu đồng. Có văn bản khuyến khích nhân rộng của Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện năm 2022.

*Về mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả:* UBND xã đã xây dựng được 1 mô hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả tại địa phương. 100% tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao hòa giải viên đúng theo quy định tại Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND tỉnh Bình Định. UBND xã có xây dựng chương trình phối hợp với Tòa án nhân dân huyện, Hội Luật gia huyện, lực lượng an ninh, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật tham gia tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ khác cho công tác hòa giải cơ sở. Có văn bản khuyến khích nhân rộng của Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện năm 2022.

- Năm 2021 (Tính từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021): Hòa giải thành 2/2 vụ, tỷ lệ 100%. Năm 2022 (Từ ngày 01/01/2022 đến hết tháng 12/2022): Hòa giải thành 1/1 vụ, tỷ lệ 100%.

UBND xã đã phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh trong công tác trợ giúp pháp lý cho các đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu. Kết quả, tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý/ Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý đạt tỷ lệ hơn 95%.

***c. Đánh giá: Tiêu chí 16 – Tiếp cận pháp luật: Đạt theo yêu cầu.***

**5.17. Tiêu chí 17 – Môi trường:**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Chỉ tiêu đạt.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Tỷ lệ đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo quy định: Tỷ lệ đạt  $\geq 85\%$ .

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp và hiệu quả: Tỷ lệ đạt  $\geq 40\%$ .

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Tỷ lệ đạt  $\geq 50\%$ .

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tỷ lệ đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường: Tỷ lệ đạt  $\geq 80\%$ .

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Tỷ lệ đạt  $\geq 90\%$ .

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy định.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: Tỷ lệ  $\geq 5\%$ .

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: Tỷ lệ đạt  $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$ .

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Tỷ lệ đạt  $\geq 70\%$ .

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động có phát sinh chất thải trên địa bàn xã là 181 cơ sở. Trong đó: 09 cơ sở thuộc đối tượng đăng ký môi trường, còn lại 172 cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ như: Tạp hóa, bán buôn lúa, xay xát gạo.... Đảm bảo theo quy định về bảo vệ môi trường. Xã không có hộ nuôi trồng thủy sản; không có làng nghề.

- Tổng số hộ tham gia ký hợp đồng cũ và đăng ký mới là 968 hộ/1441 hộ chiếm 77,72% chưa đạt. Nhưng qua rà soát số hộ trên địa bàn không thu phí rác thải sinh hoạt xã tự đánh giá đạt theo quy định 85% là do (trong đó: Số hộ vắng địa phương 09 hộ chiếm 0,62%; nhà có 02 hộ: 117 hộ chiếm 8,11% ).

- Tỷ lệ hộ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt được hộ gia đình thu gom qua hệ thống hầm rút bể tự hoại là 1.398/1.441 hộ chiếm tỷ lệ 97%.

- Tổng số hộ dân tham gia thực hiện phân loại chất thải tại nguồn 755 hộ/1441 hộ đăng ký tham gia, đạt 52.39%.

- Đối với chất thải rắn nguy hại trong sinh hoạt cộng đồng dân cư trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định UBND xã hợp đồng với công ty Hậu Sanh thu gom tại kho chứa. Đối với vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV đã qua sử dụng, UBND xã hợp đồng với công ty Hậu Sanh thu gom tại kho chứa.

- Đối với rác thải nông nghiệp: Rơm rạ sau khi thu hoạch được thu gom bằng máy cuộn rơm và phục vụ cho các hoạt động sản xuất khác: Trồng nấm, thức ăn trong chăn nuôi, trồng rau....Đối với chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu thân thiện với môi trường.

- Trên địa bàn xã có 200 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm. Có 180/200 hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ **90%**. Cụ thể: 03 hộ xây lắp hệ thống hầm biogas phù hợp với quy mô chăn nuôi; 177 hộ sử dụng chế phẩm sinh học (men sinh học trộn vào thức ăn, nước uống nhằm giảm mùi hôi thối trong phân và nước tiểu, nước thải sau khi vệ sinh được chứa trong hầm rút. Ngoài ra hộ còn sử dụng đệm lót sinh học (chủ yếu ở gà)) để giảm khí độc, giảm ô nhiễm môi trường. Các hộ còn tận dụng chất thải (đã ủ) trong trồng trọt hoặc để bán (chủ yếu phân gà) cho các đơn vị thu mua tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng, tránh tình trạng đổ thải bừa bãi ra môi trường. Các hộ có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; có bản kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi và Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chuồng trại được thiết kế thông thoáng, có rèm che xung quanh để những ngày nắng nóng hoặc giảm lạnh vào mùa đông. Mái chuồng được lợp mái ngói hoặc tôn; mái hiên cách mặt đất 2m. Nền chuồng: Có độ dốc 1-2% để tránh đọng nước. Chuồng nuôi tách biệt với nơi ở của chủ hộ chăn nuôi và được vệ sinh thường xuyên, khử trùng tiêu độc theo định kỳ.

- Trên địa bàn xã có nghĩa trang theo quy hoạch và được đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Đã ban hành quy chế quản lý và sử dụng Nghĩa trang trên địa bàn toàn xã.

- UBND xã đã xây dựng Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 16/9/2022 về tuyên truyền nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng. Đến nay, vẫn chưa có hộ nào sử dụng hình thức hỏa táng.

- Thực hiện quy hoạch khu dân cư hàng năm đều được bố trí quỹ đất công cộng để sử dụng vào mục đích trồng cây xanh đảm bảo cảnh quan môi trường sinh thái trên địa bàn xã. UBND xã thực hiện kế hoạch triển khai Chương trình Trồng mới cây xanh phân tán giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã, tại KH số 52/KH-UBND ngày 10/11/2021 với số cây 500 cây trong đó: Trồng vườn nhà 45 cây/3 hộ; trồng tại khu trung tâm (đường quy hoạch lộ giới 14m ) của xã: 24 cây; trồng tại khuôn viên nhà văn hóa và nhà sinh hoạt cộng đồng 03 thôn: 108 cây và còn lại 323 cây hiện tại chăm sóc nuôi trồng tại vườn, sau khi tuyến đường từ ĐT 640 đến xóm Hưng Sơn nâng cấp mở rộng hoàn thành thì triển khai trồng tạo cảnh quan số cây còn lại trên tuyến đường này. Năm 2022, UBND xã thực hiện Chương trình Trồng mới cây xanh phân tán năm 2022 trên địa bàn xã tại Quyết định số 7513/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước với số cây 395 cây trong đó: Trồng vườn nhà 310cây/6hộ; trồng lại các điểm đã trồng bị chết như: Khu trung tâm của xã và trồng tại khuôn viên nhà văn hóa và nhà sinh hoạt cộng đồng 03 thôn: 85 cây. Riêng tại các điểm trường trên địa bàn xã do Phòng Giáo dục –Đào tạo chỉ đạo tổ chức trồng từ nguồn cây xanh hỗ trợ của huyện và lồng ghép các nội dung trồng cây xanh bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với cán bộ, giáo viên và học sinh trong việc trồng cây xanh bảo vệ môi trường.

- Chất thải nhựa phát sinh được thu gom là 4054kg/4054kg đạt 100% trong đó, người dân tái sử dụng hoặc bán cho người thu gom, tái chế phế liệu trên địa bàn xã hoặc ủng hộ cho Hội liên hiệp Phụ nữ xã thực hiện theo kế hoạch số

30/KH-BTV ngày 15/5/2022, về xây dựng mô hình “Phân loại rác thải tại nguồn và đổi lấy Bảo hiểm y tế tặng cho hội viên, phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 17 – Môi trường: Đạt theo yêu cầu.**

**5.18. Tiêu chí 18 – Chất lượng môi trường sống:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: Tỷ lệ đạt  $\geq 50\%$ .
- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: Đạt  $\geq 60$  lít.
- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: Tỷ lệ đạt  $\geq 30\%$ .
- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: Tỷ lệ đạt 100%.
- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Không
- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: Tỷ lệ đạt 100%.
- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch: Tỷ lệ đạt  $\geq 95\%$ .
- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo về sinh môi trường: Tỷ lệ đạt 100%.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Kết quả điều tra, cập nhật Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn năm 2022 trên địa bàn xã Phước Nghĩa cụ thể: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch đạt theo quy chuẩn: Đạt tỷ lệ 100%, trong đó: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: 727hộ/1.441hộ, đạt tỷ lệ: 50,5%; tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: đạt tỷ lệ 49,5%.
- Trên địa bàn xã Phước Nghĩa có công trình cấp nước sạch tập trung nhà máy nước Phước Thuận đã được UBND huyện đầu tư sửa chữa, nâng cấp và mở mạng đường ống cung cấp nước sạch cho nhân dân sử dụng đảm bảo cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm:  $\geq 60$  lít.
- Trên địa bàn xã Phước Nghĩa có công trình cấp nước sạch tập trung nhà máy nước Phước Thuận đã được UBND huyện đầu tư sửa chữa, nâng cấp và giao cho Đơn vị quản lý là Ban quản lý nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.
- Tổng số cơ sở dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã là 14/14 cơ sở được tập huấn về an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%.
- Trong năm 2022, không có cơ sở thực phẩm nào bị xử phạt vi phạm hành chính và không có vụ ngộ độc thực phẩm tập thể trên địa bàn xã.

- Trên địa bàn xã có 01/01 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018. Đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 03 sạch là 1404/1441 hộ, đạt 97,4%.

- Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp rác thải tập trung.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 18 – Chất lượng môi trường sống: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.19. Tiêu chí 19 – Quốc phòng và An ninh:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân: Chỉ tiêu đạt.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Chỉ tiêu đạt.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân**

*Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương*

a) Hàng năm và đột xuất, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (UBND) và căn cứ Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên để ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

Hàng năm căn cứ Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên, Đảng ủy, UBND xã đã ban hành văn bản lãnh đạo về nhiệm vụ quốc phòng quân sự của địa phương như:

- Nghị quyết số 06-NQ/ĐU, ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Đảng ủy xã Phước Nghĩa về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự năm 2022;

- Công văn số 46-CV/ĐU ngày 21/01/2022 của Đảng ủy xã Phước Nghĩa về việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự năm 2022.

- Quyết định số 01-QĐ/UBND-m, ngày 27 tháng 01 năm 2022 của UBND xã Phước Nghĩa về việc ban hành kế hoạch về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự năm 2022.

b) Ủy ban nhân dân chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự xã:

Xây dựng kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân giai đoạn 2021-2025 và từng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt như:

- Kế hoạch số: 32 KH/UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của UBND xã Phước Nghĩa về việc ban hành kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân giai đoạn 2021-2025.

- Hằng năm trên cơ sở nguồn kinh phí của trên Ban CHQS xã đã Xây dựng kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân từng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các văn kiện, quy chế kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định tại Nghị định số 02/2020 NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

+ Điều chỉnh, bổ sung các văn kiện sẵn sàng chiến đấu kịp thời, đầy đủ;

+ Căn cứ Nghị định số 02/2020 NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; Nghị định số 03/2019 NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Đã phối hợp cùng Công an, kiểm lâm phụ trách địa bàn ban hành như:

- Quy chế số 01/QCPHLN-CA-QS-KL ngày 26/4/2022 về việc phối hợp giữa kiểm lâm phụ trách địa bàn với Ban CHQS xã, Công an xã, Địa chính- xây dựng xã trong thực hiện Nghị định số 02/2020 NĐ-CP.

- Kế hoạch số 01/KHPH-CA-QS-KL ngày 26/4/2022 về việc phối hợp giữa kiểm lâm phụ trách địa bàn với Ban CHQS xã, Công an xã, Địa chính - Xây dựng xã năm 2022, đã trình UBND xã ban hành Quyết định 621/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 phê duyệt quy chế;

- Phối hợp cùng Công an ban hành Quy chế số 01/QCPH-CA-QS ngày 01/9/2020 về việc phối hợp giữa Ban CHQS xã, Công an xã trong thực hiện Nghị định số 03/2019 NĐ-CP và đã trình UBND xã ban hành Quyết định 212/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 phê duyệt quy chế. Hằng năm được kiện toàn kế hoạch phối hợp theo quy định. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định đạt hiệu quả bảo đảm ANCT-TTATXH; Nghị định số 03/2019 NĐ-CP ban hành quy chế phối hợp.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt

*Ban chỉ huy quân sự xã*

a) Có đủ 04 chức danh; đúng cơ cấu, thành phần: Đảm bảo theo quy định

b) Số lượng cán bộ Phó chỉ huy trưởng: 01 cán bộ

*(Quy định tại Điều 4 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020, Chính phủ quy định chi tiết một số số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách với dân quân tự vệ.)*



c) Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng:

- Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng đã được đào tạo trung cấp ngành quân sự cơ sở và được đào tạo lớp Trung cấp chính trị.

- Hằng năm, được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TTBQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

d) Có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng: có trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật.

Đã bảo đảm nhà làm việc riêng cho Ban chỉ huy quân sự xã; trang thiết bị bảo đảm theo Hướng dẫn số 116/HD-DQ ngày 16/02/2022 về hướng dẫn bố trí biên bản, giấy, giá của ban CHQS cấp xã, đơn vị Dân quân tự vệ....

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng an ninh*

- Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân; bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4; giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh theo quy định của pháp luật.

+ Đã triển khai công tác tuyên truyền GDQP-AN trên các phương tiện thông tin đại chúng có nhiều chuyển biến tích cực, đài phát thanh tích cực tuyên truyền quốc phòng - an ninh, tăng thời lượng phát thanh; chất lượng được nâng lên, có nhiều đổi mới về tổ chức, phương pháp tuyên truyền, nội dung phong phú, phương pháp đa dạng, tạo sự hấp dẫn đối với các tầng lớp nhân dân; Công tác tuyên truyền còn được lồng ghép thông qua hoạt động nhân các ngày kỷ niệm của đất nước, địa phương; Thông qua hoạt động giáo dục, nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ về tình yêu quê hương, đất nước, biên đảo, trách nhiệm của thanh niên, trước nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

+ Bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4; giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh theo quy định của pháp luật.

- Hằng năm đã xây dựng kế hoạch đúng quy định như:

+ Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 về việc ban hành Kế hoạch Giáo dục Quốc phòng - An ninh năm 2023;

+ Kế hoạch số:01/KH-HĐGDQPAN ngày 12/4/2022 của HĐGDQPAN xã về việc Giáo dục Quốc phòng - An ninh năm 2022;

+ Kế hoạch số 02/KH-HĐGDQP-AN ngày 23/5/2022 của Hội đồng GDQP-AN xã Phước Nghĩa về bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho đối tượng 4 cấp xã năm 2022 đã được HĐGDQP-AN huyện phê duyệt ngày 06/6/2022;

+ Đã tổ chức thống kê cử và thực hiện bồi dưỡng trong năm: Tham gia bồi dưỡng đối tượng 3: 02 đồng chí; đối tượng 4 cấp huyện: 09 đồng chí; Tham mưu triệu tập đối tượng 4 cấp xã và tổ chức bồi dưỡng đối tượng 4 cấp xã 42/42 đồng chí được triệu tập theo Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 /6/2013;

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân:*

a) Tổ chức biên chế lực lượng dân quân có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương. Đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật: Thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Đã tổ chức luân phiên, kết nạp mới đúng quy định, tổng số biên chế 65 đồng chí; DQCD 28 đồng chí; DQBC: 18 đồng chí; DQTC: 15 đồng chí. Bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; công tác bảo đảm quản lý vũ khí trang bị chặt chẽ, biên chế công cụ hỗ trợ hợp lý từ công cụ hỗ trợ bố trí theo quy định.

- Công tác huấn luyện hằng năm được tổ chức triển khai có hiệu quả; bảo đảm huấn luyện đầy đủ nội dung; đã ban hành Kế hoạch số 06/KH-BCH ngày 28/4/2022 của ban CHQS xã về việc Huấn luyện lực lượng dân quân xã năm 2022 trình UBND xã phê duyệt. Bảo đảm công tác chuẩn bị Giáo án, nội dung chương trình huấn luyện đảm bảo.

b) Có tổ chức chi bộ quân sự cấp xã, duy trì hoạt động nề nếp, hiệu quả theo đúng quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

Đến nay Chi bộ quân sự xã có 13 đảng viên trong đó chính thức 12 đảng viên; 01 đảng viên dự bị.

c) Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã, nâng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân lên trên 18% (theo Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân cơ động, dân quân biển là đảng viên (Đảng viên mới trong dân quân 19 đồng chí, đạt 29,23%: Thôn đội trưởng: đảng viên; Trung đội trưởng DQCD: Đảng viên). Năm 2022 đã hoàn thiện 01 hồ sơ đảng viên đã trình cấp trên xem xét.

d) Hằng năm, được giáo dục chính trị - pháp luật, tập huấn, huấn luyện quân sự đủ nội dung, thời gian, chương trình theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (Tổ chức huấn luyện bảo đảm nội dung chương trình, giáo án, bài giảng đảm bảo thời gian).

đ) Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Đã xây dựng kế hoạch trực sẵn sàng chiến đấu thường xuyên; xây dựng kế hoạch trực các ngày lễ, tết, các ngày diễn ra sự kiện của đất nước, địa phương trình chủ tịch UBND xã phê duyệt; công tác phân ca trực đảm bảo.

e) Duy trì hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân xã với các lực lượng khác: Thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

Có tổ chức phối hợp cùng Công an, kiểm lâm phụ trách địa bàn ban hành Quy chế số 01/QCPLN-CA-QS-KL ngày 26/4/2022 về việc phối hợp giữa kiểm lâm phụ trách địa bàn với Ban CHQS xã, Công an xã trong thực hiện Nghị định số 02/2020/NĐ-CP và kế hoạch số 01/KHPH-CA-QS-KL ngày 26/4/2022 về việc phối hợp giữa kiểm lâm phụ trách địa bàn với Ban CHQS xã, Công an xã năm 2022, UBND xã đã ban hành Quyết định 621/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 phê duyệt quy chế; phối hợp cùng Công an ban hành Quy chế số 01/QCPH-CA-QS ngày 01/9/2020 về việc phối hợp giữa Ban CHQS xã, Công an xã trong thực hiện Nghị định số 03/2019 NĐ-CP và UBND xã đã ban hành Quyết định 212/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 phê duyệt quy chế. Hằng năm được kiện toàn kế hoạch phối hợp theo quy định. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định đạt hiệu quả bảo đảm ANCT-TTATXH; Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ban hành quy chế phối hợp.

Hàng tháng, quý, năm có tổ chức giao ban, sơ, tổng kết theo quy định.

g) Tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia trong Đội xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã (tối thiểu 01 trung đội dân quân cơ động); tham gia diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ và diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền; bảo đảm an toàn.

Hằng năm đều tham mưu UBND xã kiện toàn đội xung kích phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn đảm bảo thực hiện nhiệm vụ: Quyết định số 714/QĐ-UBND của UBND xã ngày 15/09/2022 về việc thành lập đội xung kích phòng chống thiên tai- Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự năm 2022.

h) Hằng năm, tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân xã theo quy định của pháp luật.

Hằng năm đều kiện toàn bổ sung công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện NVQS; đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân rộng rãi theo quy định;

Hằng năm, UBND xã ban hành quyết định hoàn thành nghĩa vụ tham gia DQTV và quyết định công nhận tham gia nghĩa vụ tham gia DQTV (tổ chức xét duyệt đúng trình tự luân phiên đúng quy định).

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên*

Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật Lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng đông viên khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

Hằng năm, công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị được tiến hành chặt chẽ. Công tác huy động huấn luyện hằng năm bảo đảm theo quyết định giao chỉ tiêu của trên (Có thống cơ quản lý: tiếp tục bổ sung hằng năm).

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Thực hiện công tác tuyển quân, tuyển sinh*

a) Đăng ký, quản lý công dân Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật.

- Đã tổ chức đăng ký, quản lý công dân Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ đúng quy định.

- Hằng năm đều hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật.

b) Thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn hằng năm của Bộ Quốc phòng (Đăng ký tại huyện), trong năm 2022 đã xác minh 01 trường hợp.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo*

Thực hiện đúng chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên, chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật. Giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương. Thực hiện tốt, không có vấn đề khiếu nại tố cáo trên địa bàn

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng*

Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

*Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng*

a) Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Cử thành viên tham gia trang facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vuông” và “Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng (có tổ chức triển khai, Đồng chí chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng tham gia trang facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vuông” và “Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam”).

b) Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên. Tổ chức rà soát khen thưởng hằng năm về nhiệm vụ quốc phòng quân sự).

- *Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm*

**trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả**

**Nội dung 01:** Đạt các nội dung 1,2,3,5,7,8 điểm a khoản 1 Hướng dẫn số 1759/HD-CAT-PV05, cụ thể:

*Hằng năm, Đảng ủy xã có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT.*

- Hằng năm, Công an xã thường xuyên tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH và tăng cường công tác phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trên địa bàn xã, tiêu biểu một số văn bản như:

+ Nghị quyết số 02-NQ/ĐU ngày 18/12/2020 của Đảng ủy xã Phước Nghĩa về Hội nghị BCH Đảng bộ xã (Khóa XVI) về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng – an ninh, xây dựng hệ thống chính trị năm 2021.

+ Nghị quyết số 03-NQ/ĐU ngày 22/01/2021 của Đảng ủy xã Phước Nghĩa về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự năm 2021.

+ Nghị quyết số 05-NQ/ĐU ngày 17/12/2021 của Đảng ủy xã Phước Nghĩa về Hội nghị BCH Đảng bộ xã (Khóa XVI) về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng – an ninh, xây dựng hệ thống chính trị năm 2022.

+ Nghị quyết số 07-NQ/ĐU ngày 25/01/2022 của Đảng ủy xã Phước Nghĩa về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự năm 2022.

+ Kế hoạch số 02<sup>A</sup>/KH-UBND ngày 25/01/2021 của UBND xã Phước Nghĩa về việc bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn xã Phước Nghĩa.

+ Kế hoạch số 11<sup>A</sup>/KH-UBND ngày 28/02/2022 của UBND xã Phước Nghĩa về việc bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn xã Phước Nghĩa năm 2022.

+ Kế hoạch số 01/KH-UBND-m ngày 10/5/2022 của UBND xã Phước Nghĩa về phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng năm 2022.

**Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt.

*Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.*

*Trong đó, quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an như sau:*

*a) Hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;*

b) *Hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng;*

c) *Tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật;*

d) *Hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự;*

đ) *Hoạt động ly khai, đòi tự trị.*

Công an xã thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Hiện tại, trên địa bàn xã Phước Nghĩa không xảy ra các hoạt động phá hoại mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng; không để xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; không để xảy ra các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, gây rối an ninh, trật tự.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

*Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật:*

+ *Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.*

+ *Không để xảy ra những hoạt động như: Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.*

Công an xã thực hiện tốt công tác tuần tra, kiểm soát nắm tình hình địa bàn; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân; chủ động phát hiện những mâu thuẫn và giải quyết ngay từ cơ sở, không để sự việc diễn biến phức tạp và hình thành “điểm nóng”, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật gây ảnh hưởng đến ANTT.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

*Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 05% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước (trừ trường hợp bất khả kháng).*

- Trong năm 2022, số vụ phạm tội về trật tự xã hội, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật trên địa bàn xã cơ bản được kiểm chế. Cụ thể:

+ Về phạm pháp hình sự: Xảy ra 02 vụ trộm cắp tài sản. So với cùng kỳ năm 2019 (xảy ra 03 vụ, gồm: 01 vụ Cướp tài sản, 01 vụ Cố ý gây thương tích, 01 vụ Trộm cắp tài sản), giảm 01 vụ (giảm 33,33%).

+ Về tệ nạn xã hội: Không xảy ra. So với cùng kỳ năm 2019 (xảy ra 02 vụ Đánh bạc), giảm 02 vụ.

+ Về tai nạn giao thông: Không xảy ra. So với cùng kỳ năm 2019, không tăng, không giảm.

+ Về tình hình cháy, nổ: Không xảy ra. So với cùng kỳ năm 2019, giảm 02 vụ.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

*Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (trừ các xã có đường biên giới quốc gia đất liền, xã đảo).*

Căn cứ Quyết định số 7901/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc công nhận xã, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” và phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn huyện năm 2022, xã Phước Nghĩa được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”, do đó không thuộc diện xã phức tạp về an ninh, trật tự.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

*Tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên (đối với những nơi đủ điều kiện để bình xét danh hiệu thi đua), không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm pháp luật.*

- Ngày 22/10/2022, Công an huyện tổ chức Hội nghị “Tổng kết phong trào thi đua vì ANTT” năm 2022 qua đó đánh giá kết quả thực hiện của Công an các xã, thị trấn và tập thể tham dự Hội nghị đã tiến hành suy tôn các danh hiệu thi đua “Vì ANTT” năm 2022. Kết quả, tập thể Công an xã Phước Nghĩa được suy tôn đề nghị danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”. Đồng thời, trong năm CBCS Công an xã đều hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, không có đồng chí nào vi phạm dẫn đến bị xử lý kỷ luật.

- Ngày 21/11/2022, Ủy ban nhân dân xã Phước Nghĩa ban hành Công văn số 81/UBND về việc nhận xét, đánh giá kết quả công tác của cá nhân Công an viên thôn tại thời điểm thăm định nông thôn mới nâng cao đều đảm bảo điều kiện phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**Nội dung 02:** Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an (trừ trường hợp bất khả kháng).

- Lực lượng Công an xã chủ động phối hợp với các ban, ngành, hội đoàn thể tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và đổi mới nội dung, hình thức phù hợp với tình hình, đặc điểm địa phương. Thường xuyên vận động quần chúng nhân dân nâng cao ý thức tự giác tham gia phòng ngừa, đấu tranh phát hiện, tố giác tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Tiến hành gọi hỏi, răn đe, tuyên truyền cá biệt các đối tượng là thanh thiếu niên có biểu hiện vi phạm pháp luật. Qua đó, ý thức chấp hành pháp luật của quần chúng nhân dân trên địa bàn xã nhìn chung có chuyển biến tích cực, thể hiện qua số vụ vi phạm pháp luật trên địa bàn được kéo giảm so với cùng kỳ năm 2019.

- Căn cứ theo Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, vào ngày 15/02/2022 tại thôn Huỳnh Mai, xã Phước Nghĩa xảy ra vụ trộm cắp tài sản do công dân cư trú trên địa bàn phạm tội mức độ rất nghiêm trọng (con dâu lấy trộm tiền của cha mẹ chồng), Cơ quan CSĐT Công an huyện đã kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát nhân dân huyện. Hiện tại, Viện kiểm sát nhân dân huyện đang thụ lý hồ sơ, chưa ban hành cáo trạng. Xét thấy bị can là công dân cư trú trên địa bàn chưa bị truy tố nên tại thời điểm thẩm định (ngày 21/11/2022) xã Phước Nghĩa đảm bảo nội dung này.

**Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**Nội dung 03:** Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Hiện nay trên địa bàn xã có 07 mô hình tự quản về ANTT, cụ thể:

+ Mô hình “Camera an ninh” xây dựng ngày 22/5/2018.

+ Mô hình: “Xóm bình yên, gia đình hòa thuận” tại xóm 8, thôn Huỳnh Mai, Phước Nghĩa xây dựng tháng 8/2019.

+ Mô hình “Tiếng kèng an ninh” tại xóm 3, thôn Thọ Nghĩa, Phước Nghĩa xây dựng tháng 11/2020.

+ Mô hình “Tiếng kèng an ninh” tại xóm 7, thôn Hưng Nghĩa, Phước Nghĩa xây dựng tháng 10/2021.

+ Mô hình “Tiếng kèng an ninh” tại xóm 10, thôn Huỳnh Mai, Phước Nghĩa xây dựng tháng 5/2022.

+ Mô hình “Khu dân cư an toàn về phòng cháy chữa cháy” tại thôn Hưng Nghĩa, Phước Nghĩa xây dựng ngày 25/5/2022.

+ Mô hình “Dòng tộc họ Đặng ở thôn Thọ Nghĩa không có tội phạm, tệ nạn xã hội” xây dựng ngày 07/11/2022.

Các mô hình trên được duy trì hoạt động có hiệu quả, nhiều mô hình hoạt động theo hướng xã hội hóa, theo phương châm tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải về an ninh trật tự tại cơ sở. Trong đó, mô hình “Camera an ninh” với tổng số 50 mắt được lắp đặt trên địa bàn xã đã và đang mang lại hiệu quả cao trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm; thông qua hệ thống camera an ninh, lực lượng



Công an đã kịp thời phát hiện, đấu tranh làm rõ nhiều thủ đoạn tinh vi của các loại tội phạm. Điển hình: Vào ngày 16/01/2022, qua trích xuất hệ thống camera an ninh, Công an xã đã nhanh chóng xác định 02 đối tượng thực hiện vụ trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn, qua đó thu hồi tài sản trao trả cho bị hại.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 19 – Quốc phòng và An ninh: Đạt theo yêu cầu.**

## **6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Nghĩa**

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của các dự án trên địa bàn xã từ năm 20218 đến hết ngày 31/12/2022 là: **57.496,194 ngàn đồng**.

- Đến ngày 31/12/2022 các công trình xây dựng của xã đã thanh toán là **57.496,194 ngàn đồng**. Như vậy, đến ngày 31/12/2022, Ủy ban nhân dân xã Phước Nghĩa không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

## **7. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

a) Về phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã:

Tập trung hoàn thành các loại công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Cứng hóa, bê tông xi măng đường giao thông nội đồng; mở rộng, nâng cấp các tuyến giao thông liên thôn, trường học, cơ sở vật chất văn hóa nhằm tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế và diện mạo khu vực nông thôn.

b) Về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân:

- Căn cứ các quy hoạch, đề án do huyện phê duyệt, UBND xã tiến hành bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng xã NTM đảm bảo tính khả thi cao và phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Tập trung đầu tư cho chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, ưu tiên cho các sản phẩm chủ lực phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng lớn trong nước, coi đây là khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế sử dụng lao động của doanh nghiệp và địa phương. Chú trọng đào tạo nghề theo các dự án, mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn và thông qua các doanh nghiệp có hợp đồng liên kết với nông dân. Khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo nghề gắn với sử dụng lao động tại doanh nghiệp ở địa bàn nông thôn.

- Tập trung phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả để hỗ trợ cho nông dân. Chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả; mô hình liên kết giữa nông hộ với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

c) Về bảo vệ môi trường nông thôn: Tập trung giải quyết vấn đề thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, xử lý môi trường trong sản xuất (thuốc bảo vệ thực vật, nước

thải chăn nuôi, nước thải làng nghề, khu – cụm công nghiệp...) và xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn “xanh - sạch - đẹp”.

d) Về xây dựng đời sống văn hóa nông thôn: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao thiết thực đối với người dân, tạo điều kiện để phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn xã.

đ) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn: Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”. Xây dựng và nhân rộng mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự ở xã, thôn.

e) Nâng cao hiệu quả thông tin, tuyên truyền, đào tạo đội ngũ cán bộ và tăng cường năng lực đánh giá, giám sát thực hiện chương trình:

- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, tập huấn để nâng cao nhận thức cho người dân về nội dung, phương pháp, cách làm NTM nâng cao.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực tổ chức, quản lý thực hiện cho cán bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ chuyên trách NTM nâng cao ở xã và cán bộ ở thôn.

## II. KẾT LUẬN

### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ nông thôn mới nâng cao của xã Phước Nghĩa đã lập đầy đủ các thủ tục hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### 2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Nghĩa

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Phước Nghĩa đã được các ngành của UBND huyện Tuy Phước thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

*(Kèm theo biểu tổng hợp kết quả thẩm tra 19 tiêu chí  
nông thôn mới nâng cao của xã Phước Nghĩa)*

### 3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Nghĩa

- Tổng kinh phí đã huy động thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao từ năm 2018 đến 2022 trên địa bàn xã là: **57.496,194** ngàn đồng.

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của các dự án đến hết ngày 31/12/2022 là: **57.496,194** ngàn đồng, bao gồm:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ là: 2.359,600 ngàn đồng, đạt tỷ lệ: 4,1%.

+ Ngân sách Tỉnh hỗ trợ là: 3.035,538 ngàn đồng, đạt tỷ lệ: 5,28%.

+ Ngân sách Huyện hỗ trợ là: 14.610,369 ngàn đồng, đạt tỷ lệ: 25,41%.

- + Ngân sách xã cân đối là: 36.891,529 ngàn đồng, đạt tỷ lệ: 64,16%.
- + Các nguồn vốn hợp pháp khác là: 599,158 ngàn đồng, đạt tỷ lệ: 1,04%.
- Như vậy, đến ngày 31/12/2022, Ủy ban nhân dân xã Phước Nghĩa không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

### **III. KIẾN NGHỊ**

UBND huyện Tuy Phước kính đề nghị UBND tỉnh Bình Định và các sở, ngành của tỉnh quan tâm, xem xét tổ chức thẩm định kết quả thực hiện 19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phước Nghĩa, để xét và công nhận xã Phước Nghĩa đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2022./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở NN & PTNT tỉnh;
- VPĐP XD NTM tỉnh;
- TT. Huyện ủy, HĐND huyện (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VPĐP XD NTM huyện;
- UBND xã Phước Nghĩa;
- CVP, PCVP – 2;
- Lưu: VT, K1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Nam**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC  
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2022  
đối với xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023  
của UBND huyện Tuy Phước)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
<b>I. QUY HOẠCH</b>					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt tại Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 23/11/2012,	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đã ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt
<b>II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>					
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện	100%	Đường xã: 100% (6,95 km/6,95 km)	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện	100%	Đường thôn và đường liên thôn: 100% (2,476 km/2,476 km)	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện	100% (trong đó, 70% được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa)	Đường ngõ, xóm: 100% (24,811 km /24,811 km) sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện (trong đó, 100% được cứng hóa bằng bê tông)	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện	≥ 70% được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa	Đường trục chính nội đồng: 100% (3,107 km/3,107 km) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện, được cứng hóa bằng	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
					bê tông xi măng	
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		Đạt	Tổng diện tích 270,47/270,47ha, đạt 100%	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ		Đạt	Hàng năm, UBND xã ban hành Phương án PCTT-TKCN&PTDS	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt		Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn		≥98%	100%	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Các xã có hơn 3 trường	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	Địa bàn xã Phước Nghĩa có 02 đơn vị trường là Trường Mầm non Phước Nghĩa và Trường Tiểu học Phước Nghĩa, đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 trở lên	(2/2) Đạt
			Các xã có từ 3 trường trở xuống	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1		
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt	Nhà văn hóa xã với diện tích xây dựng 290 m <sup>2</sup> , diện tích sân 518 m <sup>2</sup> , đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch; khu thể thao xã được đầu tư sân nền, xây dựng tường	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
				rào công ngõ, xây dựng sân bóng đá, nhà quản lý với tổng diện tích 3045,3 m <sup>2</sup> . Có 3/3 thôn có nhà văn hoá; 3/3 thôn có khu thể thao đủ diện tích (Thọ Nghĩa: 2.866,1 m <sup>2</sup> ; Hưng Nghĩa: 1.254 m <sup>2</sup> ; Huỳnh Mai: 2.288 m <sup>2</sup> ).	
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Hiện nay 03 NVH thôn đã lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	3/3 thôn hàng năm đều đạt thôn văn hóa	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Trên địa bàn xã có chợ Phước Nghĩa nằm trong Quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 09/2005/QĐ-UBND ngày 10/01/2005	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Xã có điểm Bưu điện văn hóa xã, nằm trong khuôn viên UBND xã do bưu điện huyện Tuy Phước quản lý; có dịch vụ	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
				internet để phục cho nhân dân	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Số thôn có điểm truy cập internet công cộng 3/3 thôn, đạt tỷ lệ (100%). Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh > 85%	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	100% thôn của xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	UBND xã đã lắp đặt mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng, cụ thể như: Nhà văn hóa xã, UBND xã, Nhà văn hóa 3/3 thôn và đã bố trí bộ máy vi tính, máy in tại 3/3 NVH thôn.	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Xã không có nhà tạm dột nát	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 80\%$	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố trên địa bàn xã 1436/1441, đạt chỉ tiêu 99.7%	Đạt
<b>III.</b>	<b>KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>				
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) năm 2022	$\geq 44$	52,58 triệu đồng/người/năm	Đạt
		Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	Theo công bố của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 là: 1,89%; tỷ lệ hộ cận nghèo năm 2022 là: 0,81%. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 1,3%	Đạt
		12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 75\%$	Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên 3.565 người. Lao động qua đào tạo: 2943 người; tỷ lệ: 82,5%.	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥25%	Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 1175 người, tỷ lệ: 32,9%.	Đạt
		13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Xã có 01 hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012. Có quy mô thành viên đủ lớn, không quy định số lượng thành viên	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	HTX có dịch vụ Liên kết sản xuất lúa giống và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp với công ty giống thành Lợi	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	UBND xã đang tiến hành khảo sát các sản phẩm chủ lực gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và thực hiện các quy trình được chứng nhận Vietgap hoặc tương đương	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Xã Phước Nghĩa không có làng nghề, làng nghề truyền thống	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Có 01 Tổ khuyến nông cộng đồng trên địa bàn xã gồm cán bộ khuyến nông, cán bộ thú y, đoàn thể, (Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, hợp tác xã và nông dân sản xuất giỏi	Đạt



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
					tại địa phương tại Quyết định số 456a/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	
<b>IV.</b>	<b>VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>					
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt chuẩn (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước)	Đạt
	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2		Đạt	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2: Đạt Mức độ 3 (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước)	Đạt	
	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1		≥98%	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: Đạt 100%	Đạt	
	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2		Đạt	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2: Đạt Mức độ 3(Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước)	Đạt	
	Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2		Đạt	Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: Đạt Mức độ 2 (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước)	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
			Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại	Khá	Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại Tốt (Qua đánh giá trung tâm học tập cộng đồng năm học 2021-2022 xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước của Phòng GDĐT huyện Tuy Phước ngày 31/5/2022)	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)		≥85%	Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp): Đạt tỷ lệ 96,77%	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥90%	Người dân tham gia Bảo hiểm y tế trên địa bàn xã là 4.746/4.885 đạt tỷ lệ 97,2%	≥90%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt	Xã Phước Nghĩa được công nhận đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2006 (Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 13/02/2006 về việc công nhận đơn vị đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã). Hiện nay, xã Phước Nghĩa đang duy trì đơn vị đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã đến cuối năm 2022	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi		≤22%	Qua kết quả cân đo trẻ dưới 5 tuổi	≤22%



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥45% (≥25% từ hệ thống cấp nước tập trung)	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: 727hộ/1.441hộ, đạt tỷ lệ: 50,5%. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: đạt tỷ lệ 49,5%	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥95%	Các cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm theo quy định.	Đạt
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥2 m <sup>2</sup> /người	Đạt	Đạt
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥75%	Tổng số hộ tham gia ký hợp đồng cũ và đăng ký mới là 1.120 hộ/1.441 hộ chiếm tỷ lệ 77,72%	Đạt
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Đạt	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm tiết bị chứa nước sinh Đạt 97,4%	Đạt
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥75%	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về môi trường 180 hộ/200 hộ đạt 90%.	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	12/12 cơ sở 100%	Đạt
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn 755 hộ/1441 hộ, đạt 52,39%	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định 4054 kg/4054 kg, đạt 100%.	Đạt
<b>V.</b>	<b>HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>				
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	Đạt	Đạt
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Năm 2021: UBND xã Phước Nghĩa đạt tiêu chí xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định và được UBND huyện Tuy Phước công nhận tại Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC  
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2022  
đối với xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023  
của UBND huyện Tuy Phước)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt còn hiệu lực	Đạt	
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	100% và đường đạt tối thiểu đường cấp VI theo TCVN 4054:2005 (trong đó, mặt đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa)	100% (6,95 km/6,95 km) (trong đó, mặt đường được nhựa hóa 6,95 km)	Đạt	
			Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100% (2,476 km/2,476 km) được cứng hóa và bảo trì hàng năm	Đạt	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn	Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥70%	100% (2,476 km/2,476 km) có các mục cần thiết theo quy định	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥90%	Đường ngõ, xóm: 100% (24,811 km/24,811 km) được cứng hóa	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	≥90% (trong đó, mặt đường được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa) và đạt đường loại B hoặc loại C	Đường trục chính nội đồng: 100% (3,107 km/3,107 km) được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	Tổng diện tích được tưới và tiêu đạt 100%	Đạt
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Xã Phước Nghĩa có 01 HTX Nông nghiệp Phước Nghĩa đã thành lập Tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo về pháp lý, năng lực theo quy định	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥5%	Cây trồng chủ lực là cây lúa, xã có 75,49ha tưới từ nguồn nước thuộc công trình trạm bơm điện, với hình thức tưới tiết kiệm nước (nông- phơi xen kẽ) 75,49ha/270,47 ha đạt tỷ lệ: 27,9% ≥5%	Đạt
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	HTX NN đã thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn xã theo chỉ đạo của UBND xã nên không có trường hợp vi phạm xả thải vào công trình thủy lợi	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Khá	Đạt



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥99%	Hệ thống điện đạt chuẩn đạt 100%.	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Địa bàn xã Phước Nghĩa có Trường Mầm non Phước Nghĩa đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 và Trường Tiểu học Phước Nghĩa đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2.	Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt chuẩn (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước)	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Công tác duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Đạt Mức độ 3 (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước)	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Đạt Mức độ 2 (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước)	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Khá	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	UBND xã Phước Nghĩa đầu tư xây dựng Nhà đa năng để đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học thể dục, tăng cường thể lực, kỹ năng, sức bền cho học sinh	Đạt
6		6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Hiện nay tại 3/3 NVH thôn trên toàn xã đã có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời công viên	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
	Văn hóa	6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Trên địa bàn xã Phước Nghĩa có 01 di sản văn hóa cấp Quốc gia (Mộ Đào Tấn) và 01 di sản văn hóa cấp tỉnh (Mộ Phó tướng Lê Tuyên).	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt	3/3 thôn đạt thôn văn hóa	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Chợ Phước Nghĩa nằm trong Quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 09/2005/QĐ-UBND ngày 10/01/2005	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Xã có 01 Bưu điện cung cấp dịch vụ bưu chính và viễn thông.	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	$\geq 80\%$	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thoại thông minh chiếm $> 85\%$ .	Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Có điểm Bưu điện văn hóa xã đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính	Đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM	Đạt	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	UBND xã đã lắp đặt mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng, cụ thể như: Nhà văn hóa xã, UBND xã, Nhà văn hóa 3/3 thôn	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 85\%$	Nhà ở kiên cố có 1.436 nhà/1.441 nhà, đạt 99,65%.	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) Năm 2022	$\geq 52$	52,58 triệu đồng	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	$< 3\%$	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 1,30%.	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 80\%$	Tổng số lao động qua đào tạo: 2943 người; tỷ lệ: 82,5%.	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$	Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 1175 người, tỷ lệ: 32,9%	Đạt
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\geq 19\%$	Số lao động làm việc trong các ngành nghề chủ lực: 736 người; tỷ lệ 20,65%.	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	$\geq 1$	HTX NN có dịch vụ Liên kết sản xuất giống và tiêu thụ sản phẩm cho thành viên với công ty giống thành Lợi.	Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	$\geq 1$	Xã có sản phẩm OCOP Thịt Lươn đồng của Cơ sở nuôi Lươn giống, Lươn thịt Long Vinh	Đạt
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	$\geq 1$	Xã Phước Nghĩa có Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư là Doanh nghiệp nông nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	Đạt
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Khuyến khích	Đạt	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$	Trên địa bàn xã có 02 sản phẩm chủ lực là Chanh muối bà Nhiêm và Lươn thịt Long Vinh. Trong đó có 01 sản phẩm Chanh muối bà Nhiêm được bán qua kênh thương mại điện tử	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
				Postmart.vn, đạt 50%	
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Khuyến khích	Đạt	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Xã có 2 khu di tích lịch sử: Cấp quốc gia: Mộ Đào Tấn, Cấp tỉnh: Mộ Phó tướng Lê Tuyên, tuy hàng năm có nhiều đoàn học sinh, sinh viên có tổ chức du khảo về nguồn.	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt	Có mô hình hình sản xuất cánh đồng mẫu cho cây lúa với quy mô 40ha/vụ/220 hộ	Đạt
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Người dân tham gia Bảo hiểm y tế là 4.746/4.885 đạt tỷ lệ 97,2%	Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Dân số được quản lý sức khỏe toàn xã là 4.885/4.885, đạt tỷ lệ 100%	Đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	Người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa 1.987/4.885, đạt tỷ lệ 40,67%.	Đạt
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	Người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử trên địa bàn xã là 3.501/4.885 người dân toàn xã đạt: 72%.	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	$\geq 1$	Có mô hình điển hình về PBGDPL hoạt động hiệu quả	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	3/3 tỷ lệ 100%	Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý đạt tỷ lệ hơn 95%.	Đạt
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$	$\geq 85\%$	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 40\%$	Tỷ lệ hộ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt là 1.398/1.441 hộ chiếm tỷ lệ 97%	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$	Tổng số hộ dân tham gia thực hiện phân loại chất thải tại nguồn 1441 hộ đăng ký tham gia, đạt 52.39%.	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	UBND xã hợp đồng với công ty Hậu Sanh thu gom tại kho chứa. Đối với vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV đã qua sử dụng, UBND xã hợp đồng với công ty Hậu Sanh thu gom tại kho chứa	Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	Chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu thân thiện với môi trường.	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$	Tỷ lệ hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường 180 hộ/200 hộ đạt 90%.	Đạt
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	UBND xã đã ban hành quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang áp dụng trên địa bàn xã (Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$	UBND xã đã xây dựng kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022, về tuyên truyền nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng.	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	Năm 2022 UBND xã thực hiện Chương trình Trồng mới cây xanh phân tán năm 2022 trên địa bàn xã tại Quyết định số 7513/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước với số cây 395 cây trong đó: Trồng lại các điểm khu trung tâm của xã và Trồng tại khuôn viên nhà văn hóa và nhà sinh hoạt cộng đồng 03 thôn: 85 cây	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	Chất thải nhựa phát sinh được thu gom là 4054kg/4054kg đạt 100%	Đạt
		18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 50\%$	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: 727hộ/1.441hộ, đạt tỷ lệ: 50,5%.	Đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	$\geq 60$ lít	Trên địa bàn xã Phước Nghĩa có công trình cấp nước sạch tập trung nhà máy nước Phước	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
18	Chất lượng môi trường sông			Thuận đã được UBND huyện đầu tư sửa chữa, nâng cấp và mở mạng đường ống cung cấp nước sạch cho nhân dân sử dụng đảm bảo cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: $\geq 60$ lít	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 30\%$	Có công trình cấp nước sạch tập trung nhà máy nước Phước Thuận Đơn vị quản lý là Ban quản lý nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Đạt
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	Hiện nay tổng số cơ sở dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã là 14/14 cơ sở được tập huấn về an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%.	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Trong năm 2022, không có vụ ngộ độc thực phẩm tập thể trên địa bàn xã	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	$\geq 100\%$	Trên địa bàn xã có 01/01 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm Đạt 100%	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	$\geq 95\%$	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn quốc gia là 1404/1441 hộ đạt 97,4%.	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp tập trung	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt